TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 18/01/2018
V/v: "*Không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Phương

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Chót.

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp: "*Không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Trúc P, sinh năm 1991(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 106/3 ấp BK, xã PK, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 18/3 ấp BK, xã PK, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn Phan Thị Trúc P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Trúc P trình bày:*

Vào năm 2015 chị P và anh Nguyễn Hữu N qua thời gian quen biết rồi sống chung tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau do bất đồng quan điểm, từ đó mâu thuẫn trong cuộc sống làm cho anh chị thường xuyên cãi nhau gây ảnh hưởng đến con và hàng xóm. Chị P đã không sống chung anh N từ năm 2016 cho đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không thể hàn gắn lại được. Hơn nữa, chị biết việc

giữa chị và anh N sống chung mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: chị P yêu cầu không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Về con chung: chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phan Gia H, sinh ngày 04/7/2016. Chị P không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng chị P không có yêu cầu.

Bị đơn Nguyễn Hữu N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:

Vào năm 2015 anh N và chị P có quen biết nhau sau đó tổ chức đám cưới vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Cuộc sống hôn N của anh chị không có hạnh phúc thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Anh và chị P đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa nên anh chấp nhận yêu cầu không công nhận giữa anh và chị P. Về con chung anh đồng ý giao cháu Nguyễn Phan Gia H, sinh ngày 04/7/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung anh trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng anh N không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp không công nhận vợ chồng. Bị đơn Nguyễn Hữu N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 18/3 ấp BK, xã PK, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn chị Phan Thị Trúc P và bị đơn anh Nguyễn Hữu N có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh N theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về hôn N: Chị Phan Thị Trúc P và anh Nguyễn Hữu N sống chung vợ chồng vào năm 2015, hôn N giữa chị P và anh N mặc dù được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo qui định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bên cạnh đó, trong quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm sống nên giữa chị P và anh N có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị P và anh N đều biết việc anh, chị sống chung với nhau như vợ chồng mà

không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn N và gia đình. Do đó, việc chị P yêu cầu không công nhận chị và anh N là vợ chồng, anh N cũng đồng ý với yêu cầu của chị P về việc không công nhận chị với anh là vợ chồng là phù hợp qui định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung chị P và anh N có có 01 con chung tên Nguyễn Phan Gia H, sinh ngày 04/7/2016. Chị P và anh N thống nhất để chị P trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phan Gia H nên để chị P được trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không có yêu cầu.

[4].Về tài sản chung: chị P và anh N trình bày không có, không xem xét giải quyết.

[5].Về nợ chung: chị P và anh N trình bày không có, không xem xét giải quyết.

[6].Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: chị P và anh N không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[7].Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: chị Phan Thị Trúc P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về hôn N: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Trúc P; Không công nhận chị Phan Thị Trúc P và anh Nguyễn Hữu N là vợ chồng.

2.Về con chung: chị Nguyễn Thị Trúc P được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phan Gia H, sinh ngày 04/7/2016. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc nuôi con hoặc mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3.Về tài sản chung: chị P và anh N trình bày không có, không xem xét giải quyết.

4.Về nợ chung: chị P và anh N trình bày không có, không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: chị P và anh N không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

6.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Phan Thị Trúc P phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012144 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Phú Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, VP).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đặng Văn Phương